

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 12 và năm 2011

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2011
(theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII)

| | Năm 2011 | | Thực hiện năm 2010 | |
|----|---|-----------|-----------------------|---------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%) | 12,0 | 10,3 | 11,8 |
| | <i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i> | 5,0 | 6,0 | 5,0 |
| | <i>Công nghiệp và xây dựng</i> | 11,0 | 9,9 | 11,5 |
| | <i>Dịch vụ</i> | 13,0 | 10,7 | 12,2 |
| 2 | Tốc độ tăng GTSX công nghiệp (%) | | 11,7 | 13,5 |
| 3 | Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%) | 9,0 | 19,1 | 4,4 |
| | Trong đó: - Trừ dầu thô | 11,0 | 11,4 | 15,2 |
| 4 | Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 so với tháng 12 năm trước (%) | <7,0 | 15,86 | 9,58 |
| 5 | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | 201.416 | 201.500 | 173.492 |
| | - Tỷ trọng so với GDP (%) | 42,1 | 38,8 | 41,9 |
| | Trong đó: Vốn ngân sách TP (tỷ đồng) | | 18.262 | 18.750 |
| | - Tốc độ tăng so với cùng kỳ (%) | | -2,6 | +23,8 |
| 6 | Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD) | | 2.722,5 | 2.082,5 |
| 7 | Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng) | 172.706 | 199.590 | 170.154 |
| | Thu ngân sách không tính dầu thô | | 173.840 | 152.847 |
| | T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng) | 98.996 | 105.168 | 87.091 |
| | <i>Tốc độ tăng (%)</i> | 14,65 | 20,8 | 37,8 |
| | * Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng) | 62.310 | 65.000 | 60.514 |
| | <i>Tốc độ tăng (%)</i> | 8,77 | 7,4 | +7,5 |
| 8 | Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng) | 35.797 | 54.998 | 49.902 |
| | T.đó: Chi đầu tư phát triển | 15.223 | 21.604 | 20.781 |
| | <i>Tỷ trọng chi đầu tư phát triển (%)</i> | | 39,3 | 41,5 |
| 9 | Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người) | 265,0 | 292,1 | 291,6 |
| | Trong đó: Được tạo việc làm mới | 120,0 | 128,0 | 127,9 |
| 10 | Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chuẩn thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm) | 5,4 | 5,1 | 5,9 |

Năm 2011 là năm đầu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015, nhưng đây cũng năm gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng và giảm đầu tư công ...tuy nhiên với sự tích cực tìm kiếm thị trường, chấp nhận giảm lợi nhuận để đảm bảo việc làm cho người lao động của các đơn vị sản xuất kinh doanh nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố vẫn đạt mức tăng 10,3%; tuy mức tăng không bằng năm trước và kế hoạch đề ra cho năm 2011 nhưng cao hơn mức tăng 8,6% của năm 2009.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 11,7% so với năm trước (năm 2010 tăng 13,5%); trị giá hàng hóa xuất khẩu không tính giá trị dầu thô tăng 11,4% (năm 2010 tăng 15,2%); lượng hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng tăng 7,2% (năm 2010 tăng 17,2%); lượng khách quốc tế đến thành phố đạt 3,5 triệu người, tăng 19,2%; tổng vốn đầu tư xã hội đạt 201,5 ngàn tỷ đồng; thu ngân sách nhà nước không tính thu từ dầu thô đạt 173,8 ngàn tỷ, tăng 13,7%; chi ngân sách địa phương đạt gần 55 ngàn tỷ, tăng 10,2%.

I. TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn cả năm 2011 ước đạt 503.227 tỷ đồng (giá thực tế) tăng 10,3% so năm 2010.

Tổng sản phẩm trong nước năm 2011

| | Giá thực tế | | Tốc độ phát triển so với năm trước (%) | | Đóng góp vào mức tăng (%) |
|--|----------------|--------------|--|--------------|---------------------------|
| | Tỷ đồng | Tỷ trọng (%) | 2010 | 2011 | |
| Tổng số | 503.227 | 100,0 | 111,8 | 110,3 | 10,3 |
| <i>1. Phân theo thành phần kinh tế</i> | | | | | |
| - Kinh tế trong nước | 383.348 | 76,2 | 111,1 | 109,5 | 7,6 |
| + Nhà nước | 124.833 | 24,8 | 105,0 | 105,4 | 1,4 |
| + Ngoài nhà nước | 258.515 | 51,4 | 114,3 | 111,6 | 6,1 |
| - Kinh tế có vốn nước ngoài | 119.879 | 23,8 | 114,3 | 113,3 | 2,7 |
| <i>2. Phân theo khu vực</i> | | | | | |
| - Nông, lâm, thủy sản | 5.552 | 1,1 | 105,0 | 106,0 | 0,1 |
| - Công nghiệp và xây dựng | 224.378 | 44,6 | 111,5 | 109,9 | 4,5 |
| + Công nghiệp | 190.316 | 37,8 | 111,0 | 109,9 | 3,9 |
| + Xây dựng | 34.062 | 6,8 | 114,7 | 110,3 | 0,6 |
| - Dịch vụ | 273.297 | 54,3 | 112,2 | 110,7 | 5,7 |

Trong 10,3% tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực dịch vụ vẫn giữ mức đóng góp cao nhất với 5,7 điểm phần trăm, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng 4,5 điểm phần trăm, và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 0,1 điểm phần trăm.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 5.552 tỷ đồng, chiếm 1,1% GDP, tăng 6%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 224.378 tỷ đồng chiếm 44,6% GDP, tăng 9,9%; trong đó công nghiệp tăng 9,9% (giá trị sản xuất tăng 11,7%); xây dựng tăng 10,3%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 273.297 tỷ đồng chiếm 54,3% GDP tăng 10,7%. Trong đó: ngành thương nghiệp tăng 9,2%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 7%, vận tải bưu điện tăng 12,1%, ngành tài chính – tín dụng tăng 12,1%.

II. CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG

1. Công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 12 ước đạt 75.246 tỷ đồng, tăng 5,8% so tháng trước. **Cả năm ước đạt 739.222 tỷ đồng, tăng 11,7% so năm trước** (năm 2010 tăng 13,5%). Trong đó: công nghiệp nhà nước chiếm 14%, tăng 3,3%; công nghiệp ngoài nhà nước chiếm 47,9%, tăng 13,3% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 38,1%, tăng 14,4%.

Giá trị sản xuất công nghiệp

| | Giá trị sản xuất (giá thực tế - tỷ đồng) | | % so sánh | |
|-------------------------|---|----------------|-----------------------------|----------------------------|
| | Tháng 12 | 12 tháng | Tháng 12 so với tháng 11 | 12 tháng so với cùng kỳ |
| Tổng số (I+II) | 75.246 | 739.222 | 105,8 | 111,7 |
| I. Khu vực trong nước | 46.387 | 457.981 | 105,3 | 110,2 |
| 1. Trung ương | 7.573 | 80.141 | 101,8 | 102,9 |
| 2. Địa phương | 38.814 | 377.840 | 106,4 | 112,6 |
| - Nhà nước | 2.134 | 23.528 | 102,9 | 104,9 |
| - Ngoài nhà nước | 36.680 | 354.312 | 106,6 | 113,3 |
| II. Khu vực có vốn ĐTNN | 28.859 | 281.241 | 106,5 | 114,4 |

Trong 27 ngành có 5 ngành sản xuất giảm và 22 ngành tăng. Trong đó có 14 ngành tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành, những ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng: da giày (+23%); may (+20,3%); các sản phẩm từ kim loại (+12,9%); vật liệu xây dựng (+12,3%); máy móc và thiết bị điện (+17,1%); giường, tủ, bàn, ghế (+12,4%); giấy và sản phẩm từ giấy (+13,1%); cao su và plastic (+9,6%); Ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 8,5%. Các ngành vẫn liên tục giảm qua các tháng là khai thác đá, sản xuất thuốc lá, sản xuất và phân phối điện.

**Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu
12 tháng 2011 so với cùng kỳ**

Đơn vị tính : %

| | Công nghiệp trên địa bàn | Chia ra | |
|---|-----------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | | Khu vực trong nước | Khu vực có vốn nước ngoài |
| 1- Thực phẩm đồ uống | 108,5 | 110,6 | 102,0 |
| 2- Sản xuất thuốc lá | 98,4 | 98,4 | - |
| 3- Dệt may | 116,0 | 113,6 | 123,6 |
| 4- Sản xuất da, giày, vali túi xách | 123,0 | 112,5 | 126,1 |
| 5- Hóa chất và SP từ hóa chất | 107,6 | 113,0 | 102,2 |
| 6- SP từ cao su, plastic | 109,6 | 105,7 | 130,4 |
| 7- Vật liệu xây dựng | 112,3 | 115,2 | 105,4 |
| 8- SX kim loại | 132,0 | 132,9 | 117,9 |
| 9- Cơ khí chế tạo ¹ | 113,3 | 114,0 | 112,5 |
| 10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông | 105,7 | 86,8 | 110,6 |

Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước trung ương: tháng 12 ước đạt 7.573 tỷ đồng, tăng 1,8% so tháng 11. **Cả năm đạt 80.141 tỷ đồng, tăng 2,9% so năm 2010.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước giảm 19,4%, doanh nghiệp cổ phần tăng 6,6%, công ty TNHH một thành viên giảm 4%. Trong 19 ngành có 8 ngành sản xuất tăng so cùng kỳ năm trước, các ngành chiếm tỷ trọng lớn: thực phẩm đồ uống (+1,9%); hóa chất (+17,9%); vật liệu xây dựng (+16,1%); máy móc thiết bị điện (+9,5%). Có 11 ngành sản xuất giảm, trong đó những ngành chiếm tỷ trọng lớn giảm là: thuốc lá (-10,5%); xuất bản, in (-0,3%); sản xuất radio, ti vi và thiết bị truyền thông (-27%); giấy và sản phẩm từ giấy (-16,7%).

Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương: tháng 12 ước đạt 2.134 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng 11. **Cả năm ước đạt 23.528 tỷ đồng, tăng 4,9% so năm 2010.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 4,9%; công ty cổ phần tăng 10,9% ; công ty TNHH một thành viên giảm 1%. Trong 17 ngành có 11 ngành sản xuất tăng. Ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành sản xuất thuốc lá tăng 12,2%; hóa chất tăng 3,5%; thực phẩm và đồ uống tăng 2,3%; sản xuất cao su và plastic tăng 0,4% ; khai thác lọc và phân phối nước tăng 18,1%. Một số ngành giảm liên tục qua các tháng là: xuất bản, in giảm 5,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 11,5%; dệt giảm 3,8%.

Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước: tháng 12 ước đạt 36.680 tỷ đồng, tăng 6,6% so tháng trước. **Cả năm ước đạt 354.312 tỷ đồng, tăng 13,3% so năm 2010.** Trong đó hợp tác xã tăng 29,6%; doanh nghiệp tư nhân tăng 9%; công ty TNHH tăng 13,1%; công ty cổ phần tư nhân tăng 44,7%; công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50% tăng 10,3%; cá thể tăng 7,3%. Trong 26 ngành có 21 ngành sản xuất

¹ Cơ khí chế tạo bao gồm 5 ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

tăng, hầu hết các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều tăng: ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 14%; kế đến là ngành cao su và plastic tăng 6,5%; may tăng 16,3%; các sản phẩm từ kim loại tăng 8,9%; hoá chất tăng 11,3%; máy móc và thiết bị điện tăng 31,8%; dệt tăng 11,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 15,2%; vật liệu xây dựng tăng 14,2%.

Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: tháng 12 ước đạt 28.859 tỷ đồng, tăng 6,5% so tháng 11. **Cả năm ước đạt 281.241 tỷ đồng, tăng 14,4% so năm 2010.** Trong 22 ngành sản xuất có 20 ngành tăng, trong đó một số ngành chiếm tỷ trọng cao tăng như: da giày chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 26,1%; kế đến là hóa chất tăng 2,2%; thực phẩm và đồ uống tăng 2%; các sản phẩm từ kim loại tăng 17,2%; radio, ti vi và thiết bị truyền thông tăng 10,6%; máy móc và thiết bị điện tăng 8,5%; may tăng 26,5%; cao su và plastic tăng 30,4%.

Nếu tính theo phương pháp “chỉ số phát triển công nghiệp” (IIP) thì sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2011 tăng 6,8% so với năm 2010.

2. Xây dựng:

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm ước thực hiện 137.605,5 tỷ đồng, tăng 21,5% so năm trước (chưa loại trừ yếu tố giá), quý 4 đạt 44.416,1 tỷ đồng, tăng 19,5% so quý 3 và tăng 21,9% so quý 4/2010. Trong đó kinh tế nhà nước đạt 12.404,3 tỷ đồng, chiếm 9%, giảm 3,9% so năm 2010; kinh tế ngoài nhà nước đạt 115.944,3 tỷ đồng, chiếm 84,3%, tăng 25%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.257 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 21,7%.

III. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Trong năm thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, các dự án xây dựng tiếp tục triển khai, dịch bệnh trên đàn gia súc ở các khu vực lân cận đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất...Tuy nhiên, với sự năng động của người sản xuất và sự hỗ trợ của các ngành có liên quan nên kết quả sản xuất tăng khá, đặc biệt là ngành thủy sản.

Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2011 đạt 11.113,2 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 6,2% so với năm trước; trong đó, nông nghiệp chiếm 79,2%, tăng 4,9%, thủy sản chiếm 19,7%, tăng 9,1%, lâm nghiệp tăng 3,6%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2011

| | Giá thực tế | | Giá so sánh | |
|--------------------|-----------------|--------------|-----------------|------------------------|
| | Tỷ đồng | Tỷ trọng (%) | Tỷ đồng | % so sánh với năm 2010 |
| Tổng số | 11.113,2 | 100,0 | 3.578,10 | 106,2 |
| Nông nghiệp | 8.801,5 | 79,2 | 2.384,20 | 104,9 |
| + Trồng trọt | 2.755,2 | 24,8 | 1.006,90 | 102,9 |
| + Chăn nuôi | 5.311,8 | 47,8 | 1.114,50 | 106,9 |
| + Dịch vụ | 734,5 | 6,6 | 262,8 | 104,9 |
| Lâm nghiệp | 119,9 | 1,1 | 36,9 | 103,6 |
| Thủy sản | 2.191,8 | 19,7 | 1.157,00 | 109,1 |

1. Nông nghiệp:

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2011 đạt 8.801,5 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,9% so với năm trước: Ngành chăn nuôi chiếm 60,4%, tăng 6,9%; trồng trọt chiếm 31,3%, tăng 2,9%, dịch vụ nông nghiệp tăng 4,9%.

1.1 Trồng trọt: Diện tích đất trồng cây hàng năm đang giảm dần, do quá trình đô thị hóa, thay đổi mục đích sử dụng, nông dân chuyển dần những diện tích lúa sang trồng rau, hoa màu, tăng hệ số lần trồng.

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng cây hàng năm 39.719 ha, giảm 3,7% so với năm trước. Trong đó, lúa diện tích 22.057 ha, giảm 9,6% so với năm trước; bắp giảm 25,3%, diện tích trồng rau 9.804 ha, tăng 6,5%. Diện tích đậu phộng và mía đều tăng lần lượt là 12,9% và 5,8%.

Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

| | Thực hiện năm 2011 | | | % so sánh năm 2011 với năm 2010 | | |
|----------------|--------------------|-------------------|-----------------|---------------------------------|-----------|-----------|
| | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích | Năng suất | Sản lượng |
| Tổng số | 39.719 | | | 96,3 | | |
| Lúa | 22.057 | 39,2 | 86.428 | 90,4 | 104,2 | 94,2 |
| Bắp | 647 | 35,8 | 2.316 | 74,7 | 101,1 | 75,5 |
| Rau | 9.804 | 234,5 | 229.955 | 106,5 | 102,3 | 109,0 |
| Đậu phộng | 307 | 27 | 829 | 112,9 | 99,5 | 112,3 |
| Mía | 2.142 | 617 | 132.161 | 105,8 | 100,0 | 105,9 |

+ Vụ đông xuân 2011 – 2012:

Lúa: đã xuống giống 1.346 ha, tăng 88,3% so với cùng kỳ; Rau gieo trồng 3.057 ha, tăng 10,2%.

+ **Tình hình sinh vật gây hại:** Công tác kiểm tra sinh vật gây hại của các ngành chức năng cho cây trồng được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ. Nhờ vận động người sản xuất thực hiện các biện pháp phòng ngừa sâu bệnh và áp dụng các phương pháp mới nên tình hình sâu bệnh trên diện tích gieo trồng không đáng kể.

1.2. Chăn nuôi: (kết quả điều tra 1/10/2011)

Gia súc: Đàn trâu có 5.091 con, tăng 14,5%; đàn bò 102.343 con, tăng 2,9% (riêng bò sữa 77.329 con, chiếm 75,6% tổng đàn bò, tăng 2,5%).

Đàn heo có 309,7 ngàn con; trong tổng số: heo thịt chiếm 84,4% tổng đàn, heo rừng lai 3.293 con. Đàn heo nuôi chủ yếu tại Củ Chi, Bình Chánh. Đàn heo khu vực nhà nước giảm 15,9% so cùng thời điểm năm trước.

Gia cầm và chăn nuôi khác: Tổng đàn gà của thành phố hiện có 222,3 ngàn con, gà thịt công nghiệp chiếm 95,5%. Chăn nuôi khác như nhím, thỏ, trăn,...ngày càng được phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại.

2. Lâm nghiệp:

Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2011 dự ước 119,9 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 3,6% so với cùng kỳ: khai thác chiếm 83,1%, tăng 2,4%; trồng rừng tăng 78,8% so với năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác 15,1 ngàn m³, tăng 12,4%; sản lượng củi 4.376 stere, nguyên liệu giấy 37,4 ngàn tấn, giảm 3%.

Về công tác gieo ươm, trồng cây phân tán: Chi cục Lâm nghiệp đã sản xuất 250 ngàn cây giống để cung cấp cho thị trường thành phố.

3. Thủy sản:

Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 2.191,8 tỷ (giá thực tế), tăng 9,1% so với năm 2010; giá trị nuôi trồng tăng 9,9% và đánh bắt tăng 5,4%, Sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 45.396 tấn, tăng 4,5%.

Nuôi trồng: Toàn thành phố có 5.756 cơ sở nuôi trồng thủy sản, diện tích thu hoạch năm nay 8.904 ha. Giá trị sản xuất nuôi trồng 1.626,8 tỷ (giá thực tế), tăng 9,9%, sản lượng đạt 23.631 tấn, chiếm 52% tổng sản lượng thủy sản, tăng 6,3% so với năm 2010: trong đó, sản lượng tôm ước thực hiện 12.811 tấn tăng 17%; sản lượng cá 6.809 tấn, giảm 4,4% so với năm trước.

Đánh bắt: 982 cơ sở khai thác biển với 922 tàu thuyền cơ giới (chủ yếu huyện Cần Giờ). Giá trị sản xuất ngành khai thác ước thực hiện 465,8 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 5,4% so với năm trước, sản lượng đạt 21.765 tấn, tăng 2,7%.

Tình hình dịch bệnh trên tôm (tại huyện Cần Giờ): 305 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 297,4 ha, ước tính thiệt hại 176,4 triệu con tôm giống. Trong đó, đã có 254 lượt hộ được xử lý bằng nguồn thuốc dập dịch.

* Kết quả tổng hợp nhanh Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản thời điểm 1/7/2011

Tại thời điểm điều tra, thành phố có 329.635 hộ ở khu vực nông thôn, với số nhân khẩu là 1.237 ngàn người. So với cùng thời điểm năm 2006 số hộ tăng 44,9% và số nhân khẩu tăng 34,8%. Tuy nhiên số hộ có hoạt động chính thuộc ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 11% giảm 10,7 điểm phần trăm so với năm 2006; do đó số hộ có nguồn thu lớn nhất từ nông lâm nghiệp và thủy sản cũng chỉ chiếm 11,1%, giảm 9,9 điểm phần trăm so với năm 2006;

Tỷ trọng hộ có nguồn thu lớn nhất từ hoạt động thương mại và dịch vụ vận tải chiếm tới 44,6% số hộ, tăng 7,9 điểm phần trăm so với năm 2006; Hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ hoạt động công nghiệp, xây dựng là 40,8%, tăng 2,3%, Thuộc khu

vực nông thôn nhưng số hộ có hoạt động chính là công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 32,2%, tăng 51,4% so với năm 2006.

Một số chỉ tiêu về hộ nông thôn, nông nghiệp và thủy sản

| | Số hộ | | Tỷ trọng (%) | | % tăng (+), giảm (-) về hộ năm 2011 với 2006 |
|---|----------------|----------------|--------------|--------------|--|
| | 2006 | 2011 | 2006 | 2011 | |
| Tổng số | 227.473 | 329.635 | 100,0 | 100,0 | +44,9 |
| + Chia theo nguồn thu nhập lớn nhất của hộ | | | | | |
| - Nông, lâm, thủy sản | 47.949 | 36.855 | 21,1 | 11,2 | -23,1 |
| - Công nghiệp, xây dựng | 87.566 | 134.575 | 38,5 | 40,8 | +53,7 |
| - Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác | 83.388 | 146.933 | 36,7 | 44,6 | +76,2 |
| - Nguồn khác | 8.570 | 11.272 | 3,8 | 3,4 | +31,5 |
| + Chia theo ngành sản xuất chính | | | | | |
| Trong đó:- Hộ nông lâm, thủy sản | 49.358 | 36.360 | 21,7 | 11,0 | -26,3 |
| - Hộ công nghiệp | 70.137 | 106.165 | 30,8 | 32,2 | +51,4 |
| - Hộ thương nghiệp | 48.706 | 51.485 | 21,4 | 15,6 | +5,7 |

Trên địa bàn thành phố có 110 trang trại (theo tiêu chí mới ban hành năm 2011) nông, nghiệp và thủy sản đang hoạt động; trong đó 79,1% là trang trại chăn nuôi và 20% là trang trại thủy sản. Số lao động bình quân làm việc thường xuyên tại trang trại là 5 người/1 trang trại, Doanh thu về sản phẩm và dịch vụ nông lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 2.944,1 triệu đồng/1 trang trại (năm 2006 là 207,8 triệu đồng).

IV. ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2011 ước thực hiện 201,5 ngàn tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 18,5%; vượt 0,04% so kế hoạch năm (năm 2010 tốc độ tăng 18,4%).

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

| | Thực hiện năm 2011 (tỷ đồng) | % so sánh năm 2011 với 2010 | Tỷ trọng (%) |
|----------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------|
| Tổng số | 201.500 | 118,5 | 100,0 |
| - Vốn Nhà nước | 58.357 | 111,4 | 29,0 |
| - Vốn ngoài Nhà nước | 102.919 | 120,7 | 51,1 |
| - Vốn nước ngoài | 40.224 | 124,1 | 19,9 |

Trong đó:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 12 tháng ước thực hiện 164.042 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,04%; so với năm trước tăng 18,4% (tốc độ tăng năm 2010 là 17,8%).

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố 12 tháng ước thực hiện 18.262,3 tỷ đồng, đạt 99,2% kế hoạch năm và bằng 97,4% so với cùng kỳ (*năm 2010 tăng 23,8%*). Cấp thành phố ước thực hiện 9.830,5 tỷ đồng, chiếm 53%, so cùng kỳ bằng 86,1%; cấp quận huyện ước thực hiện 8.431,8 tỷ đồng, chiếm 47%, so với cùng kỳ tăng 13%. Tốc độ tăng vốn ngân sách thành phố năm nay chậm hơn năm trước, do thành phố áp dụng chính sách mới đầu tư gắn liền với tính hiệu quả, không đầu tư dàn trải, ưu tiên cho những dự án cấp bách phát triển cơ sở hạ tầng, những dự án khởi công mới chưa cần thiết thì tạm ngưng...

Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

| | Thực hiện năm 2011 (tỷ đồng) | % thực hiện so với | |
|----------------------------|---------------------------------|--------------------|--------------|
| | | Kế hoạch | Năm 2010 |
| Tổng số | 18.262,3 | 99,2 | 97,4 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 1.659,0 | 104,1 | 84,0 |
| Cấp thành phố | 9.830,5 | 97,2 | 86,1 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 799,2 | 99,9 | 113,1 |
| Cấp quận huyện | 8.134,8 | 102,3 | 113,0 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 859,8 | 108,4 | 68,0 |

Trong tháng cuối năm, các đơn vị đang tập trung nguồn lực để hoàn thành kế hoạch năm, cụ thể tháng 12 khối lượng ước thực hiện so với tháng 11 tăng 49%. Trong năm có nhiều dự án lớn được hoàn thành đưa vào sử dụng như: dự án đại lộ Đông – Tây, với tổng mức đầu tư lên tới 16 ngàn tỷ đồng, đặc biệt là hầm vượt sông Sài Gòn thuộc dự án trên thông xe trong tháng 11, đây là dự án đặc biệt có ý nghĩa chiến lược cho phát triển khu đô thị mới Thủ Thiêm và kết nối với các dự án quan trọng khác của vùng Đông Nam Bộ; dự án mở rộng tỉnh lộ 25B thông xe trong tháng 11, giải phóng được lượng lớn xe container thường xuyên kẹt từ ngã ba Cát Lái đến cảng Cát Lái; cầu Hoàng Hoa Thám, nối từ quận Bình Thạnh sang quận 1; Hương lộ 13... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên còn những mặt chưa đạt được như: khâu đền bù giải tỏa ở các quận huyện còn nhiều khó khăn, dẫn đến nhiều dự án chậm tiến độ, như: Tỉnh lộ 10B, mở rộng đường Phạm Văn Bạch, cầu Rạch Tra...

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở tư nhân

Từ đầu năm đến ngày 30/11, các ngành chức năng của thành phố đã cấp 41,7 ngàn giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ của dân cư, với diện tích sàn 7.112,5 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 35,8 ngàn giấy phép, với diện tích 6.450,3 ngàn m² và 5,9 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 662,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 5% về giấy phép và tăng 0,1% về diện tích (+ 11,2 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp của nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 12/12, thành phố đã có 384 dự án có vốn nước ngoài được cấp phép, với tổng số vốn đăng ký 2.404 triệu USD, vốn pháp định 739,7 triệu USD, vốn bình quân 1 dự án 6,3 triệu USD. So với năm 2010, tăng 28 dự án, và tăng 572,5 triệu USD về vốn đăng ký.

Số dự án quy mô lớn không nhiều, có 4 dự án có mức đầu tư trên 100 triệu USD, chiếm 62,5% tổng vốn; riêng dự án của công ty First Solar Việt Nam (Singapore) vào ngành công nghiệp, vốn đầu tư 1.004,7 triệu USD, chiếm 41,7% tổng vốn đăng ký.

Chia theo hình thức đầu tư: Liên doanh 91 dự án, vốn đầu tư 783,4 triệu USD, chiếm 23,7% về số dự án và chiếm 32,6% về vốn đầu tư; 100% vốn đầu tư nước ngoài 293 dự án, chiếm 76,3% dự án và 67,4% vốn đầu tư.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: Ngành công nghiệp là ngành dẫn đầu về vốn đầu tư với 1.130,6 triệu USD, gần bằng ½ tổng vốn, 42 dự án, chiếm 10,9% số dự án.

Ngành xây dựng 44 dự án, vốn đầu tư 67,1 triệu USD. Thương mại 103 dự án, chiếm 26,8% dự án, vốn đầu tư 315,9 triệu USD, chiếm 13,1% tổng vốn, dự án công ty AEON Việt Nam (Nhật Bản) với vốn đầu tư 109,6 triệu USD chiếm 34,7% vốn của ngành. Ngành công nghệ thông tin và truyền thông 20 dự án, vốn đầu tư 45,5 triệu USD. Ngành kinh doanh bất động sản và tư vấn vẫn là lĩnh vực thu hút nhiều nhà đầu tư nhất với 165 dự án, chiếm 43% tổng dự án, vốn đầu tư 749,7 triệu USD như dự án trung tâm thương mại Crescent Mall (Đài Loan), vốn đầu tư 128 triệu USD; dự án The Queen Square với vốn đầu tư 260 triệu USD,... . Ngành y tế 3 dự án, vốn đầu tư 70,4 triệu USD.

Chia theo đối tác đầu tư: Các dự án chủ yếu từ các nước khu vực Châu Á, trong đó: Singapore đứng đầu cả về vốn và dự án với 74 dự án, chiếm 19,3% tổng số dự án, vốn đầu tư 1.461,1 triệu USD; Hàn Quốc 67 dự án, vốn đầu tư 323,3 triệu USD; Nhật Bản 53 dự án, vốn đầu tư 151,5 triệu USD; Hoa Kỳ 24 dự án, vốn đầu tư 17,5 triệu USD; Malaysia 17 dự án, vốn đầu tư 5,7 triệu USD; Hồng Kông 19 dự án, vốn đầu tư 15,4 triệu USD; Đài Loan 9 dự án, vốn đầu tư 172,9 triệu USD,...

Dự án điều chỉnh vốn: Trong năm có 104 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn pháp định, tổng số vốn đầu tư điều chỉnh tăng 318,5 triệu USD. Như vậy, tổng vốn nước ngoài được cấp phép mới và điều chỉnh tăng vốn năm 2011 đạt 2.722,5 triệu USD, tăng 30,7% so với năm 2010 (năm 2010 đạt 2.082,6 triệu USD).

Trong năm đã có 21 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đầu tư 10,3 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố 4.241 dự án, tổng số vốn đầu tư 32.399,6 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2010, tăng 384 dự án, vốn đầu tư tăng 2.933,8 triệu USD.

VI. NỘI THƯƠNG - GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Mặc dù đã là tháng cuối cùng của năm nhưng thị trường hàng hóa và dịch vụ mới bắt đầu khởi động và chưa được sôi động như những năm trước, người lao động tiết kiệm chi tiêu nhiều hơn do giá cả hàng hóa và dịch vụ trong năm biến động tăng lớn. Các doanh nghiệp sản xuất và bán lẻ tiếp tục tìm kiếm bổ sung nguồn hàng và tăng cường khuyến mãi dưới nhiều hình thức nhằm nâng cao khả năng doanh thu.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ trong tháng 12 ước thực hiện 44.650 tỷ đồng, tăng 6,7% so với tháng trước và tăng 23,5% so với tháng 12/2010 (trong đó kinh tế ngoài nhà nước tăng 28,3%).

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ cả năm đạt 459.551 tỷ đồng, tăng 23,5% so với năm 2010.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2011 Phân theo thành phần kinh tế

| | Tổng mức năm 2011 (tỷ đồng) | Cơ cấu (%) | Năm 2011 so với 2010 (%) |
|---------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|
| Tổng số | 459.551 | 100,0 | 123,5 |
| Kinh tế nhà nước | 92.158 | 20,1 | 126,0 |
| Kinh tế tập thể | 17.536 | 3,8 | 128,3 |
| Kinh tế cá thể | 132.360 | 28,8 | 124,9 |
| Kinh tế tư nhân | 203.778 | 44,3 | 122,0 |
| Kinh tế có vốn nước ngoài | 13.719 | 3,0 | 110,9 |

Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục giữ vị trí hàng đầu trong bán lẻ đến tay người tiêu dùng với mức 203,8 ngàn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 44,3% trong tổng mức bán lẻ; thành phần kinh tế tập thể có tốc độ tăng cao nhất trong các thành phần kinh tế (tăng 28,3%) tuy nhiên cũng chỉ mới đáp ứng được 3,8% nhu cầu tiêu dùng của dân cư.

Loại trừ yếu tố biến động giá tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2011 tăng 7,2%, mức tăng của năm 2010 là 17,8%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2011 phân theo ngành hàng

| | Tổng mức (tỷ đồng) | | | % so sánh năm 2011 với 2010 | | |
|----------------------|--------------------|------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| | Trên địa bàn | K. tế trong nước | K. tế có vốn nước ngoài | Trên địa bàn | K. tế trong nước | K. tế có vốn nước ngoài |
| Tổng mức | 459.551 | 445.832 | 13.719 | 123,5 | 123,9 | 110,9 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Thương nghiệp | 374.389 | 371.789 | 2.600 | 123,2 | 123,2 | 115,4 |
| Khách sạn | 7.593 | 3.351 | 4.242 | 111,8 | 121,9 | 104,9 |
| Nhà hàng | 38.575 | 37.597 | 978 | 129,0 | 129,8 | 105,2 |
| D.vụ du lịch lữ hành | 10.674 | 9.075 | 1.599 | 129,8 | 129,7 | 130,5 |

* **Doanh thu du lịch** (bao gồm dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn) ước cả năm đạt 18.267 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ (riêng khách sạn tăng 11,8%; trong đó khu vực có vốn nước ngoài chiếm 55,8%, tăng 4,9%). Lượng khách quốc tế ước đạt 3,5 triệu lượt khách, tăng 19,2% so với năm 2010; trong đó trên 74% là đến bằng đường hàng không. Ngành du lịch thành phố tiếp tục quảng bá và tạo nhiều tour mới cho khách.

2. Giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 tăng 0,73% so với tháng 11; khu vực thành thị tăng 0,68% và khu vực nông thôn tăng 1,17%.

Trong 11 nhóm hàng chỉ có nhóm "bưu chính viễn thông" có mức giá giảm 0,21% so với tháng trước và nhóm "giáo dục" hầu như không có biến động về giá. 11 nhóm hàng đều có mức giá tăng, trong đó có 2 nhóm có mức tăng cao hơn chỉ số giá chung là: "Hàng ăn và dịch vụ ăn uống" tăng 1,29% (trong đó thực phẩm tăng 1,65%, lương thực tăng 1,54%) và nhóm "đồ uống và thuốc lá" tăng 0,80%.

Mức biến động tăng một số mặt hàng chính trong tháng: một số hàng thực phẩm tăng như thịt heo (+3,06%), thịt bò (+2,92%), thịt gà (+1,13%), thịt vịt (+0,96%), thịt chế biến (+0,63%), dầu mỡ ăn các loại (+1,41%), thủy sản tươi sống (+1,92%), thủy sản chế biến (+2,53%), sữa bơ các loại (+0,38%)..., giá bia rượu, đồ uống và đồ dùng hàng ngày tăng do nhu cầu mùa vụ cuối năm.

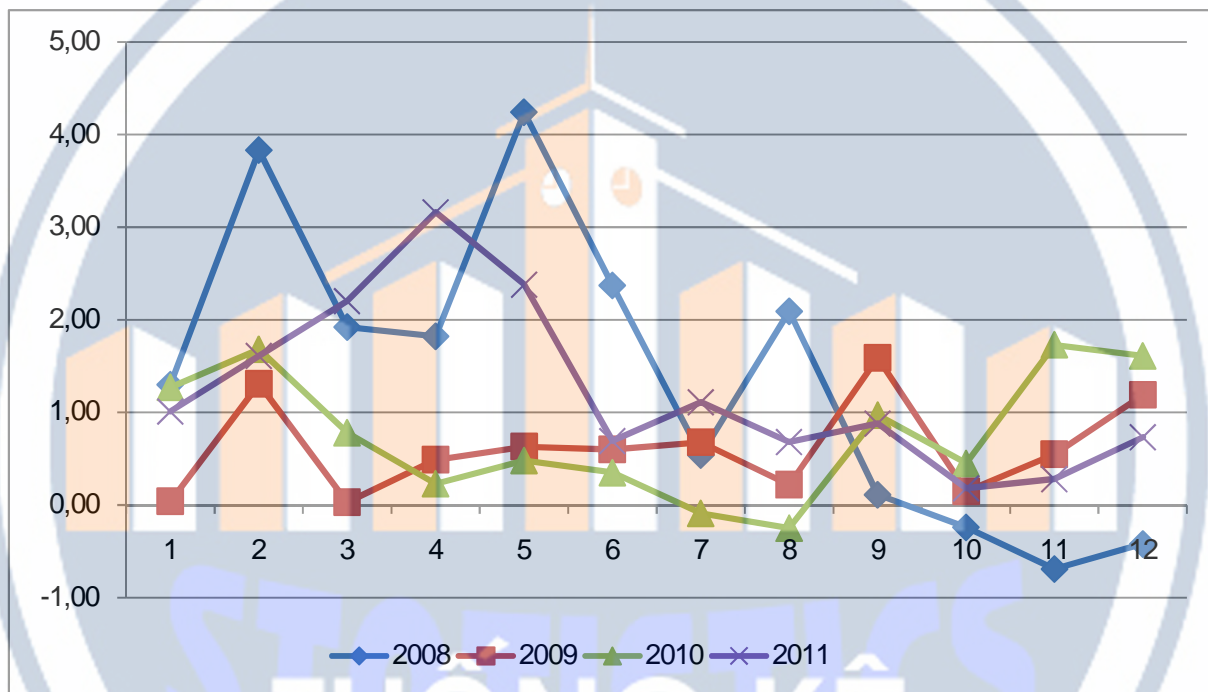
Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng qua các tháng

| | <i>Đơn vị tính: %</i> | | |
|---|-----------------------|--------------|---------------|
| | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 |
| So với tháng trước | | | |
| Tháng 1 | +0,04 | +1,27 | +1,01 |
| Tháng 2 | +1,31 | +1,68 | +1,61 |
| Tháng 3 | +0,03 | +0,78 | +2,20 |
| Tháng 4 | +0,49 | +0,23 | +3,16 |
| Tháng 5 | +0,63 | +0,48 | +2,38 |
| Tháng 6 | +0,60 | +0,35 | +0,69 |
| Tháng 7 | +0,68 | -0,09 | +1,11 |
| Tháng 8 | +0,22 | -0,25 | +0,68 |
| Tháng 9 | +1,59 | +0,97 | +0,88 |
| Tháng 10 | +0,15 | +0,45 | +0,18 |
| Tháng 11 | +0,55 | +1,73 | +0,28 |
| Tháng 12 | +1,19 | +1,61 | +0,73 |
| Tháng 12 so với tháng 12 năm trước | +7,71 | +9,58 | +15,86 |

Trong năm 2011 giá liên tục biến động tăng qua các tháng và mức tăng cao nhất với mức 3,16% vào tháng 3, những tháng tiếp theo mức tăng đã giảm dần do tác động tích cực của công tác bình ổn giá của thành phố và sự giám sát quyết liệt của các ngành chức năng trong việc quản lý giá cả thị trường.

So với tháng 12/2010 chỉ số giá tiêu dùng tăng 15,86% (bình quân 1 tháng tăng 1,23%), cao hơn mức tăng của 2 năm liền kề trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức tăng 18,08% của năm 2008.

Tốc độ tăng giá của các tháng trong năm so với tháng trước (%)



So với tháng 12/2010, giá vàng tăng 26,47%, chỉ số tỷ giá USD giảm 0,35%.

VI. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá năm 2011 (không tính dầu thô) đạt **47.131 triệu USD**, tăng 7.579,7 triệu USD so với năm trước (tăng 19,2%). Khu vực kinh tế trong nước chiếm 69,8%, tăng 18,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 30,2%, tăng 22,3%.

1. Xuất khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 12 ước thực hiện 2.196,4 triệu USD, giảm 7,5 % so với tháng trước và tăng 10,5% so với tháng 12/2010.

Dự ước cả năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước thực hiện **26.868,4 triệu USD**, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2010 tăng 4,4%). Loại trừ dầu thô kim ngạch xuất khẩu hàng hóa còn lại là **19.606,8 triệu USD** tăng 11,4%.

**Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
Không kể dầu thô**

| | Kim ngạch (Triệu USD) | | % so sánh | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|
| | Tháng 12 | Ước năm 2011 | Tháng 12 với tháng 11 | Năm 2011 với 2010 |
| Tổng số | 1.690,4 | 19.606,8 | 100,7 | 111,4 |
| <i>Phân theo thành phần kinh tế</i> | | | | |
| Nhà nước | 386,8 | 5.218,6 | 100,7 | 117,0 |
| Tập thể | 3,1 | 22,3 | 100,6 | 108,4 |
| Tư nhân | 704,0 | 7.859,4 | 100,7 | 102,0 |
| Có vốn đầu tư nước ngoài | 596,5 | 6.506,5 | 100,8 | 120,3 |

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong năm của **khu vực kinh tế trong nước** và so sánh với năm 2010:

+ Gạo: trị giá ước đạt 1.436,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11% kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 15,9% (lượng tăng 12,2%, giá bình quân tăng 3,3%). Thị trường Indonesia chiếm 50%, Bangladesh 13.5%, Malaysia 12%, Philippin 7% còn lại một số nước khác không đáng kể;

+ Thủy sản: 413,5 triệu USD, tăng 14,2%, chiếm tỷ trọng 3,2%. Tình hình tiêu thụ xuất khẩu thủy hải sản vẫn tiếp tục tăng nhưng nguồn nguyên liệu cho chế biến không đủ cho nhu cầu sản xuất;

+ Sữa 125,9 triệu USD, tăng 46,9%;

+ May mặc 2.199,8 triệu USD, chiếm 16,8%, tăng 19,5%. Doanh nghiệp cũng đã có đơn hàng cho năm sau, nhưng chỉ tập trung ở những đơn vị có năng lực sản xuất khá, các doanh nghiệp nhỏ khó có đơn đặt hàng do yêu cầu kỹ thuật cho qui trình sản xuất chặt chẽ và khó hơn.

+ Giày dép 593,5 triệu USD, chiếm 4,5%, tăng 19,1%. Tuy có khả quan hơn các ngành khác vào những tháng cuối năm, nhưng ngành da giày vẫn trong tình trạng tái áp thuế chống bán phá giá của EU khi lượng xuất tăng nhưng giá giảm kéo dài trong khoảng thời gian nhất định. Đồng thời tiếp tục chịu áp lực cạnh tranh với các nước Ấn Độ, Srilanka, Indonesia, Bangladesh là những nước đang được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan;

+ Riêng dầu thô: về lượng ước 12 tháng dầu thô xuất 8.267 ngàn tấn với trị giá đạt 7.261,6 triệu USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ (lượng tăng 3,6%, giá bình quân tăng 41,3%).

2. Nhập khẩu.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 12 ước thực hiện 2.809,8 triệu USD, tăng 0,9% so tháng trước và tăng 13,1% so

với tháng 12/2010. Khu vực kinh tế trong nước 2.228,8 triệu USD, tăng 0,8%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 581 triệu USD, tăng 1%.

Dự ước cả năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 27.524,3 triệu USD, tăng 25,4% so với năm trước (năm 2010 tăng 8,1%).

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

| | Kim ngạch (Triệu USD) | | % so sánh | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|
| | Tháng 12 | Ước năm 2011 | Tháng 12 với tháng 11 | Năm 2011 với 2010 |
| Tổng số | 2.809,8 | 27.524,3 | 100,9 | 125,4 |
| Kinh tế Nhà nước | 662,4 | 7.828,0 | 100,6 | 136,8 |
| Kinh tế tập thể | 1,4 | 13,7 | 100,6 | 119,9 |
| Kinh tế tư nhân | 1.565,0 | 13.612,1 | 100,9 | 120,0 |
| Kinh tế có vốn nước ngoài | 581,0 | 6.070,5 | 101,0 | 124,5 |

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong năm của khu vực kinh tế trong nước so với năm 2010:

- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 479,3 triệu USD, tăng 24,3%;
- + Nhiên liệu: nhập 2.109,4 ngàn tấn với trị giá 1.718,5 triệu USD, tăng 155,6% (lượng tăng 87,9%, giá bình quân tăng 36%);
- + Nguyên phụ liệu may 958,4 triệu USD, tăng 22%;
- + Phụ liệu giày dép 199,5 triệu USD, tăng 20,4%;
- + Sắt thép 227 triệu USD, giảm 26,1%;
- + Tân dược 928,5 triệu USD, tăng 30,4%;
- + Dầu mỡ động thực vật 177,8 triệu USD, tăng 7,5%;
- + Chất dẻo 195,5 triệu USD, giảm 0,6%.

VII. GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU ĐIỆN

1. Vận tải:

1.1. Doanh thu vận tải thuần túy: Tháng 12 ước tính đạt 3.571,4 tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước. Cả năm ước đạt 36.152,2 tỷ đồng, tăng 29,3% so với năm 2010. Trong đó doanh thu vận tải hàng hóa chiếm 68,7%, tăng 28,6%; doanh thu vận tải hành khách chiếm 31,3%, tăng 30,8%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2011

| | Doanh thu (tỷ đồng) | | Năm 2011 so với 2010 (%) | |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------------|---------------|
| | Hàng hóa | Hành khách | Hàng hóa | Hành khách |
| Tổng số | 24.835,9 | 11.316,3 | 128,6 | 130,8 |
| <i>*Phân theo khu vực kinh tế</i> | | | | |
| Kinh tế nhà nước | 6.003,2 | 845,8 | 112,3 | 160,6 |
| Kinh tế ngoài nhà nước | 18628,5 | 7.738,0 | 134,8 | 130,1 |
| Kinh tế có vốn nước ngoài | 204,2 | 2.732,5 | 143,1 | 125,4 |
| <i>* Phân theo ngành vận tải</i> | | | | |
| Đường bộ | 12.495,2 | 8.788,0 | 128,5 | 134,3 |
| Đường sông | 2.219,0 | 179,5 | 144,3 | 130,7 |
| Đường biển | 10.038,2 | | 125,4 | |
| Đường hàng không | 83,5 | 2.348,8 | 169,3 | 119,2 |

- Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 12 đạt 2.498,4 tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước; cả năm đạt 24.835,9 tỷ đồng, tăng 28,6% so năm 2010; doanh thu ngành vận tải đường biển đạt 10.038,2 tỷ đồng, tăng 25,4%.

- Doanh thu vận tải hành khách tháng 12 ước đạt 1.073,1 tỷ đồng, tăng 1% so với tháng trước; ước cả năm đạt 11.316,3 tỷ đồng, tăng 30,8% so với năm 2010. Trong đó đường bộ chiếm 77,7% doanh thu của ngành này và tăng 34,3% so với năm 2010.

1.2. Sản lượng:

a. Hàng hóa: Ước cả năm vận chuyển được 113.702 nghìn tấn hàng hóa với 53,4 triệu T.km; So năm trước tăng 22% về tấn và tăng 16,5% về tấn.km. Ngành vận tải đường bộ chiếm 51,7% về tấn và chiếm 11,2% về tấn.km; ngành vận tải biển vận chuyển chiếm 23,9% về lượng hàng vận chuyển và chiếm tới 70,9% về hàng hóa luân chuyển. Các đơn vị vận tải của doanh nghiệp nhà nước vận chuyển được 21.837 ngàn tấn hàng hóa, tăng 9,6% so năm trước.

b. Hành khách: Ước cả năm vận chuyển 584,9 triệu lượt khách với 12.801 triệu HK.km; tăng 22,4% về vận chuyển và 18,5% về luân chuyển so với năm trước. Trong đó, đường bộ chiếm 99% khối lượng hành khách vận chuyển.

2. Bốc xếp hàng hóa

Tổng doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 12 đạt 530,8 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước; 12 tháng ước đạt 5.591,2 tỷ đồng tăng 19,8% so với năm 2010.

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 12 ước thực hiện 5.105,1 nghìn tấn, tăng 1% so tháng trước và tăng 12% so với tháng 12/2010. Tính chung 12 tháng đạt 58.191,4 nghìn tấn, tăng 1,6% so với năm 2010; trong đó hàng hóa xuất khẩu 21.883,1 ngàn tấn, chiếm 37,6%, tăng 2%; hàng nhập khẩu 27.584,9 ngàn tấn, chiếm 47,4%, tăng 0,3%.

Hàng hóa thông qua cảng năm 2011

| | Sản lượng (nghìn tấn) | | % so sánh | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------------|
| | Tháng 12 | Ước cả năm | Tháng 12 so tháng 11 | Năm 2011 với năm 2010 |
| Tổng số | 5.105,1 | 58.191,4 | 101,0 | 101,6 |
| <i>* Phân theo loại cảng</i> | | | | |
| Cảng biển | 4.894,6 | 55.645,7 | 101,0 | 101,8 |
| Cảng sông | 210,5 | 2.545,7 | 102,5 | 97,7 |
| <i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i> | | | | |
| Hàng xuất khẩu | 1.855,8 | 21.883,1 | 100,8 | 102,5 |
| Hàng nhập khẩu | 2.473,6 | 27.584,9 | 101,1 | 100,3 |
| Hàng nội địa | 775,7 | 8.723,4 | 101,2 | 103,4 |

3. Bưu chính và viễn thông:

a. Trung ương (Bưu điện thành phố): Mạng lưới điện thoại cố định của Bưu điện TP đang hoạt động với 23 tổng đài với dung lượng 1.736,4 ngàn số, tăng 4,6% so với năm 2010; hiện nay đã có 1.279,5 ngàn số thuê bao cố định, tăng 6,1% so với năm 2010.

Sản lượng của bưu chính: Bưu phẩm đi có cước 69,7 triệu cái; giảm 37,4%; Bưu kiện đi có cước 578,7 ngàn gói, tăng 6,4%; Số lượng thư và điện chuyển tiền 1.708 ngàn, tăng giảm 17,3%.

Doanh thu cả năm ước tính đạt 5.499,3 tỷ đồng, tăng giảm 1,4% so với năm 2010. Trong đó doanh thu viễn thông chiếm 85,8%, giảm 1,8%; bưu chính chiếm 11%, tăng 58,4%.

b. Địa phương:

Doanh thu bưu chính viễn thông của doanh nghiệp do địa phương quản lý cả năm ước đạt 910,9 tỷ đồng, giảm 37% so với năm 2010. Trong đó doanh thu viễn thông chiếm 89,4%, giảm 40,3%.

Số điện thoại mới phát triển trong năm: điện thoại cố định 3,3 ngàn số, giảm 47,1% so với năm trước; điện thoại di động 20,1 ngàn số, giảm 91,7%.

VIII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 12 tháng ước thực hiện 199.590,2 tỷ đồng, vượt 12,1% dự toán, tăng 17,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 105.167,6 tỷ đồng, vượt 6,2% dự toán, tăng 20,8%; thu từ dầu thô đạt 25.750 tỷ đồng, vượt dự toán 125,9%, tăng 48,7%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 65.000 tỷ đồng, tăng 7,4%.

Thu ngân sách trên địa bàn

| | Năm 2011 (Tỷ đồng) | | % thực hiện 12 tháng năm 2011 so với | |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------|---|---------------------|
| | Dự toán | Ước TH 12 tháng | Dự toán | Cùng kỳ năm 2010 |
| Tổng thu | 177.970 | 199.590,2 | 112,1 | 117,3 |
| Tổng thu cân đối ngân sách NN | 172.706 | 195.917,7 | 113,4 | 118,8 |
| I- Thu nội địa | 98.996 | 105.167,6 | 106,2 | 120,8 |
| Trong đó: | | | | |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước | 25.810 | 23.229,0 | 90,0 | 107,9 |
| 2. Khu vực ngoài nhà nước | 26.880 | 25.600,0 | 95,2 | 114,5 |
| 3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 22.200 | 23.000,0 | 103,6 | 130,2 |
| II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu | 62.310 | 65.000,0 | 104,3 | 107,4 |
| III- Thu từ dầu thô | 11.400 | 25.750,0 | 225,9 | 148,7 |

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 12 tháng ước đạt 23.229 tỷ đồng, chiếm 22,1% tổng thu nội địa, tăng 7,9% so cùng kỳ (*doanh nghiệp trung ương đạt 13.210 tỷ đồng, tăng 23,8%; địa phương đạt 10.019 tỷ đồng, giảm 7,7%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 25.600 tỷ đồng, chiếm 24,3% thu nội địa, tăng 14,5%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 23.000 tỷ đồng, chiếm 21,9% thu nội địa, tăng 30,2%. Các khoản thu khác đạt 33.338,6 tỷ đồng, tăng 30,5% so cùng kỳ: thuế thu nhập cá nhân chiếm 43,4% trong tổng thu khác, tăng 41,7%; thu tiền sử dụng đất chiếm 27%, tăng 45,9%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 12 tháng ước đạt 51.205,9 tỷ đồng, vượt 43% dự toán, tăng 4,3% so cùng kỳ năm 2010.

Chi ngân sách địa phương

| | Năm 2011 (Tỷ đồng) | | % thực hiện 12 tháng năm 2011 so với | |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------|---|--------------|
| | Dự toán | Ước TH 12 tháng | Dự toán | Cùng kỳ |
| Tổng chi (trừ tạm ứng) | 35.422,9 | 41.635,5 | 117,5 | 105,6 |
| Trong đó: | | | | |
| I- Chi đầu tư phát triển | 11.300,0 | 21.603,8 | 191,2 | 104,0 |
| Trong đó: trả lãi và vốn vay | 3.348,9 | 3.348,9 | 100,0 | 104,9 |
| II- Chi thường xuyên | 18.750,0 | 17.881,2 | 95,4 | 120,7 |
| Trong đó: | | | | |
| Sự nghiệp kinh tế | 2.690,0 | 2.619,5 | 97,4 | 139,0 |
| Sự nghiệp giáo dục đào tạo | 4.974,9 | 4.673,3 | 93,9 | 115,0 |
| Sự nghiệp y tế | 2.161,4 | 2.151,5 | 99,5 | 109,5 |
| Quản lý hành chính | 2.717,3 | 2.574,0 | 94,7 | 120,1 |

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 12 tháng ước thực hiện 41.635,5 tỷ đồng, vượt 17,5% dự toán, tăng 5,6% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển⁽²⁾ ước thực hiện 21.603,8 tỷ đồng, tăng 4% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay đạt 100% dự toán. Chi thường xuyên đạt 17.881,2 tỷ đồng, tăng 20,7% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.619,5 tỷ đồng, tăng 39%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.673,3 tỷ đồng, tăng 15%; chi sự nghiệp y tế 2.151,5 tỷ đồng, tăng 9,5%; chi quản lý hành chính tăng 20,1%; chi đảm bảo xã hội tăng 46%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 6,3%.

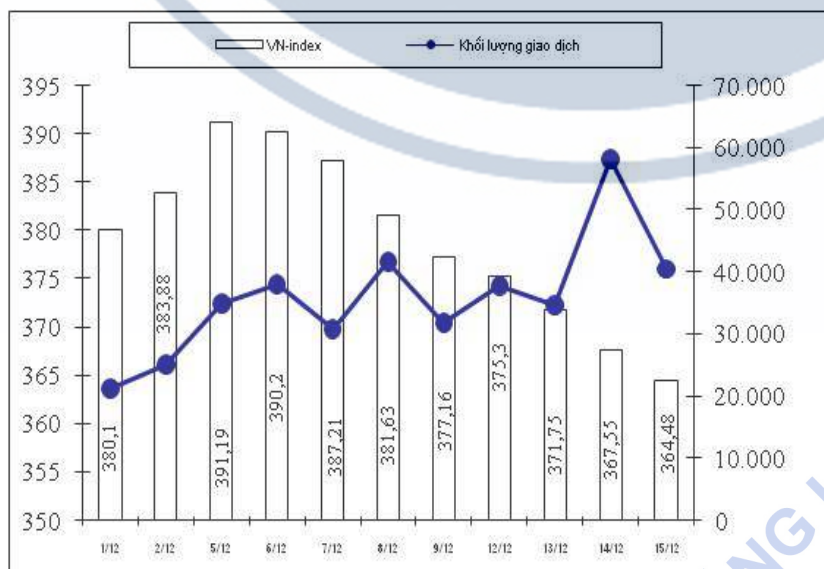
Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng 12 tháng ước đạt 54.998,2 tỷ đồng, tăng 10,2% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 12 ước đạt 886,9 ngàn tỷ, tăng 1,8% so tháng trước, tăng 10% so năm 2010. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 59,4% tổng vốn huy động, tăng 14,3% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 24,7%, tăng 8,2% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 75,3% tổng vốn huy động, tăng 10,6% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm tăng 22,9%, chiếm 36,2%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 12 ước đạt 753,8 ngàn tỷ đồng, tăng 2,1% so tháng trước, tăng 6,3% so cùng kỳ năm 2010. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 381,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 50,6% tổng dư nợ, tăng 6,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 218,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 29% tổng dư nợ, tăng 13,1% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 71% tổng dư nợ, tăng 3,7% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 50,2%, tăng 20,3%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn giảm 4,8% cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 15/12 tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 306 (tăng 9,3% so đầu năm) gồm 301 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 260 ngàn tỷ đồng, tăng 13,9% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 188.611 tỷ đồng, chiếm 72,5%, trái

² Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XD/CB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang năm 2011 thanh toán và quyết toán thì ước chi đầu tư phát triển đến 31 tháng 12 là 12.300,3 tỷ đồng, đạt 154,7% dự toán và bằng 77,2% kế hoạch giao vốn.

phiếu đạt 68,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 26,4%, chứng chỉ quỹ đạt 2,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 1,1%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 480,4 ngàn tỷ đồng, giảm 19,1% so đầu năm. VN-index tại thời điểm báo cáo đạt 364,48 điểm, giảm 24,8% so đầu năm, tương ứng giảm 120,18 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 15 ngày đầu tháng 12 đạt 394,5 triệu chứng khoán, tăng 8,3% so tháng trước, bình quân mỗi phiên có 35,9 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị đạt 538 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đạt 10.232,3 triệu chứng khoán, giảm 5,7% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 8.092,5 triệu chứng khoán, giảm 17,6% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 2.139,8 triệu chứng khoán, tăng 108,2%; khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 10.083,4 triệu cổ phiếu, giảm 5,4%; khối lượng giao dịch trái phiếu đạt 19,3 triệu trái phiếu, giảm 26,3% so cùng kỳ.

- Giá trị giao dịch của 15 ngày đầu tháng 12 đạt 5.917,4 tỷ đồng, giảm 8,7% so tháng trước và giảm 73,2% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3.969,7 tỷ đồng, chiếm 67,1% tổng giá trị giao dịch, giảm 78,7% so cùng kỳ; giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 5.619,5 tỷ đồng, chiếm 95%, giảm 74,4% so cùng kỳ.

- Lũy kế từ đầu năm, giá trị giao dịch đạt 200,4 ngàn tỷ đồng, giảm 43,8% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 148,9 ngàn tỷ đồng, giảm 53,2%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 51,5 ngàn tỷ đồng, tăng 33,2%; giá trị giao dịch của cổ phiếu đạt 197,6 ngàn tỷ đồng, giảm 44% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

| | Kết quả giao dịch | | % so sánh | |
|---|-------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | 15 ngày tháng 12 | Lũy kế đến tháng 12 | Tháng 12 với tháng 11 | 12 tháng so cùng kỳ |
| Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK) | 394,5 | 10.232,3 | 108,3 | 94,3 |
| <i>Chia theo loại chứng khoán:</i> | | | | |
| Cổ phiếu | 382,9 | 10.083,4 | 109,4 | 94,6 |
| Trái phiếu | 2,0 | 19,3 | 132,5 | 73,7 |
| Chứng chỉ quỹ | 9,6 | 129,6 | 75,5 | 79,4 |
| <i>Chia theo hình thức giao dịch:</i> | | | | |
| Giao dịch khớp lệnh | 295,7 | 8.092,5 | 115,4 | 82,4 |
| Giao dịch thỏa thuận | 98,8 | 2.139,8 | 91,6 | 208,2 |
| Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng) | 5.917,4 | 200.369,9 | 91,3 | 56,2 |
| <i>Chia theo loại chứng khoán:</i> | | | | |
| Cổ phiếu | 5.619,5 | 197.615,9 | 91,0 | 56,0 |
| Trái phiếu | 189,7 | 1.735,8 | 125,1 | 80,8 |
| Chứng chỉ quỹ | 108,2 | 1.018,2 | 68,5 | 59,5 |
| <i>Chia theo hình thức giao dịch:</i> | | | | |
| Giao dịch khớp lệnh | 3.969,7 | 148.855,0 | 110,2 | 46,8 |
| Giao dịch thỏa thuận | 1.947,7 | 51.514,9 | 67,6 | 133,2 |

IX. DÂN SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Dân số

Dân số bình quân trên địa bàn thành phố năm 2011 ước tính 7.600,4 ngàn người, tăng 2,8% so với năm 2010; khu vực thành thị là 6.316,9 ngàn người, chiếm 83,1% trong tổng dân số, tăng 2,7% so năm trước. Tỷ lệ tăng cơ học 20,75%; tỷ lệ tăng tự nhiên dân số 10,32‰.

2. Hoạt động văn hóa thông tin

Năm 2011, nhiều sự kiện, lễ hội quan trọng được diễn ra trên địa bàn thành phố: chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ thành phố lần IX, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân thành phố, phường xã nhiệm kỳ 2011-2016 ... đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Đặc biệt là các chương trình đón chào năm mới 2011, kỷ niệm các ngày lễ lớn: 81 năm ngày thành lập Đảng, 36 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 125 năm ngày Quốc tế lao động 1/5; 66 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9... gồm nhiều chương trình biểu diễn nghệ thuật phong phú sôi nổi, kết hợp với tuyên truyền cổ động chính trị tại các địa điểm trung tâm thành phố.

Các hoạt động văn hóa cơ sở với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng các danh hiệu được công nhận, xây dựng đời sống văn hóa thành phố theo hướng tiên tiến, văn minh, hiện đại. Công tác gia đình: đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tư vấn gia đình ở cộng đồng với trọng tâm là kiến thức kỹ năng tư vấn về gia đình ở cơ sở, kiến thức pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Tổ chức lồng ghép tuyên truyền pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình trong các buổi sinh hoạt cộng đồng. Triển khai thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị rộng khắp trong các khu dân cư của 24 quận huyện Tổ chức lễ phát động tháng cao điểm ra quân về an toàn giao thông và tổ chức 4 đoàn kiểm tra việc thực hiện chủ đề năm “Năm 2011 – Năm thực hiện nếp sống văn minh – mỹ quan đô thị” trên địa bàn 24 quận - huyện.

- Biểu diễn nghệ thuật:

Trong năm đã tổ chức hơn 2.000 suất diễn, phục vụ trên 900 ngàn lượt người xem. Trong đó, tổ chức 352 suất tại khu vực ngoại thành và 102 suất phục vụ trường trại với hơn 131 ngàn lượt người.

Tại Liên hoan Tuồng toàn quốc tổ chức ở Bình Định, Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội đã đoạt 2 HCV cá nhân, 1 giải diễn viên xuất sắc, 3 HCB, 1 giải diễn viên trẻ, 1 giải tập thể dàn nhạc...

- Hoạt động thư viện

Năm 2011, thư viện Khoa học Tổng hợp đã thu hút 677 ngàn lượt bạn đọc. Lễ hội đường sách “Ước mơ” lần thứ 1 thu hút 150 ngàn lượt người đến tham dự; tổ chức 11 đợt triển lãm sách thu hút gần 25 ngàn lượt bạn đọc. Thư viện cũng đã tổ chức phục vụ 65 chuyến “thư viện lưu động”, thu hút gần 54 ngàn lượt bạn đọc. Trong năm thư viện Khoa học Tổng hợp đã xây dựng được 14 phòng đọc sách cho 5 xã Nông thôn mới.

Về công tác bảo tàng: Từ đầu năm đến nay, hoạt động phục vụ khách tham quan đã được các bảo tàng cải tiến hơn các năm trước. Công tác hiện đại hóa nội dung trưng bày, thuyết minh, quy hoạch đội ngũ nhân sự, sưu tầm hiện vật, đẩy mạnh tiến độ lập hồ sơ khoa học hiện vật và xã hội hóa hoạt động tiếp tục được các bảo tàng quan tâm đầu tư. Đặc biệt, hoạt động website của các bảo tàng khá ổn định, thông tin về các mặt công tác của bảo tàng được giới thiệu khá đầy đủ và cập nhật thường xuyên. Trong đó, trang web của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh, Bảo tàng Thành phố và Bảo tàng Mỹ thuật có số lượt truy cập khá nhiều. Riêng Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã ra mắt website mới trong tháng 5 vừa qua với giao diện và nội dung nêu bật được các hoạt động trọng tâm của Bảo tàng cũng thu hút khá đông người truy cập. Trong năm đã có 2,5 triệu lượt khách tới tham quan các bảo tàng trong thành phố, tăng 3% so năm 2010 (khách nước ngoài là 500 ngàn lượt, tăng 1%).

- Về công tác thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

Đã tiến hành kiểm tra tại 402 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa và du lịch, phát hiện 311 cơ sở vi phạm qui định về hoạt động, chiếm tỷ lệ 77,3%; đã xử lý và ban hành 375 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 5,8 tỷ đồng. Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố kiểm tra 170 cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, lập biên bản vi phạm hành chính 163 cơ sở, tỷ lệ vi phạm là 95,8%.

3. Thể dục thể thao

Thể thao quần chúng: được diễn ra sôi nổi với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Nhiều giải thể thao phong trào trên địa bàn được các doanh nghiệp đứng ra tổ chức đã thể hiện mối quan tâm của xã hội đối với hoạt động thể dục thể thao như: Giải Thể dục dưỡng sinh quận 6 mở rộng; Giải Bóng đá mini Ngành Y - Dược - Cúp Nizoral; Giải bóng đá trong nhà hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VI – HCA FUTSAL... Các ban ngành, đoàn thể cũng đã tổ chức nhiều hoạt động thể thao phong phú, đa dạng góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên... như Hội thao Nông dân, các giải thể thao sinh viên, học sinh, Hội thao ngành Công An. Các đơn vị Trung tâm TĐTT, VH-TH 24 quận, huyện đã tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao sôi nổi, phong phú chào mừng các ngày lễ lớn...

Phong trào thể thao người khuyết tật: đã tổ chức giải thể thao người khuyết tật thành phố năm 2011 với 7 môn thi đấu quy tụ hơn 200 VĐV của 12 đơn vị. Tổ chức Giải người khuyết tật toàn quốc năm 2011 với 7 môn thi tại Thành phố. Kết quả đoàn TPHCM đạt 283 HCV, 223 HCB, 158 HCD, tiếp tục dẫn đầu tại Giải người khuyết tật toàn quốc.

- Thể thao thành tích cao:

+ Giải vô địch quốc gia: có 18/22 môn tham dự giải toàn quốc đạt hạng I toàn đoàn (vovinam, bóng bàn, bơi lội hồ 25m, quần vợt, cờ tướng, cờ vua, judo, võ

cổ truyền, thể hình, billiards, bơi lội hồ 50m, thể dục nghệ thuật, bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, taekwondo, muay), 03 môn hạng II toàn đoàn (bơi lội hồ 25m, wushu, petanque).

+ Giải Trẻ: có 11 môn hạng nhất toàn đoàn (bơi lội, judo, võ cổ truyền, vovinam, taekwondo, cử tạ, cờ tướng, cờ vua, thể hình, pencak silat, bóng rổ); Hai môn hạng II toàn đoàn (đấu kiếm, bóng bàn).

+ Giải quốc tế: Cử 143 HLV, 579 VĐV, 13 chuyên gia thuộc 31 môn tham dự 86 giải Quốc tế đạt 82 HCV, 51 HCB, 44 HCD (so với cùng kỳ năm 2010 đạt 84 HCV, 44 HCB, 66 HCD):

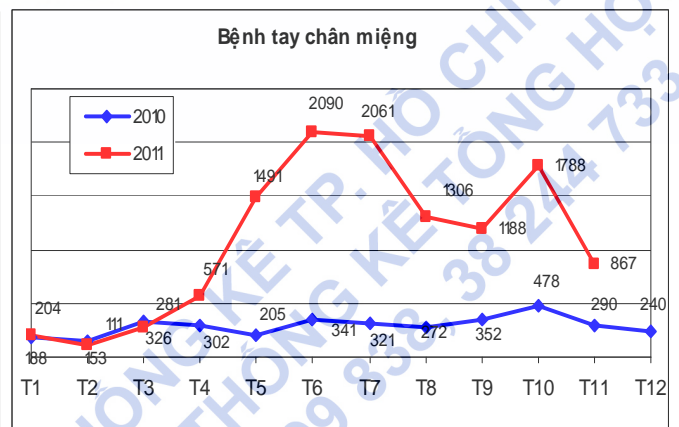
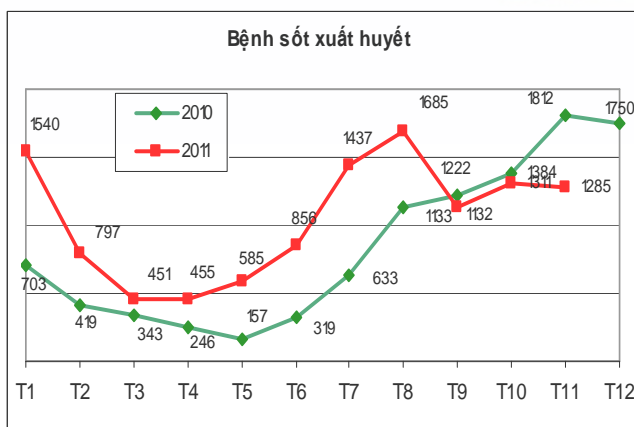
* **Sea Games 26:** Thành phố có 258/857 người tham gia (22 cán bộ, 38 HLV, 12 chuyên gia, 186 VĐV) và 14 trọng tài thuộc 33/43 môn thể thao. Các VĐV Thành phố đã thi đấu xuất sắc, đạt 19 HCV, 17 HCB, 30 HCD ở 19 môn điền kinh, bơi lội, billiards, TDDC, bóng chuyền, cử tạ, cờ vua, bơi lội, bóng bàn, xe đạp, đấu kiếm, judo, taekwondo, pencak silat, vovinam, quần vợt, futsal, shorinji kempo, leo núi, góp phần vào thành tích đoạt 96 HCV, 92 HCB, 100 HCD của Đoàn Thể thao Việt Nam.

4. Y tế

* **Tình hình dịch bệnh: (từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2011)**

Năm nay số ca mắc bệnh tay chân miệng và sốt xuất huyết được phát hiện tăng cao so với các năm trước, số ca tử vong lên đến 41 ca (năm trước chỉ có 2 ca). Ngành y tế thành phố đã triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát, can thiệp tại khu vực có ca bệnh, không chế không để bệnh lây lan và bùng phát, tuyên truyền hướng dẫn người dân biết cách tự phòng bệnh.

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Tổng số ca phát hiện là 11.534 ca, tăng 37,8% (tăng 3.163 ca) so cùng kỳ năm 2010. Có 11 ca tử vong, tăng 10 ca. Bệnh tập trung tại: quận 8 (980 ca), quận Tân Bình (813 ca), quận Bình Tân (746 ca), quận Tân Phú (739 ca), huyện Bình Chánh (715 ca) ...



- **Bệnh tay chân miệng:** đã phát hiện 11.958 ca, gấp 3,7 lần (tăng 8.730 ca) so với cùng kỳ năm 2010; có 30 ca tử vong (cùng kỳ năm 2010 có 1 ca tử vong).

Ngành y tế của thành phố triển khai nhiều biện pháp tích cực như diệt khuẩn tẩy trùng những khu vực có người nhiễm và đặc biệt là tăng cường công tác phòng dịch tại các trường học, nơi tập trung đông dân cư ... và giám sát tích cực đối với những ca mắc do đó bệnh đã được kiểm soát tốt và số ca nhiễm giảm.

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** Bệnh tả và nghi tả: có 3.041 ca mắc tiêu chảy, giảm 10,5% (giảm 357 ca) so với cùng kỳ năm trước; Bệnh sốt rét: 128 ca; Bệnh thủy đậu: 479 ca, tăng 55,5% (tăng 171 ca) so với cùng kỳ; bệnh quai bị có 215 ca, tăng 36,9% (tăng 58 ca) so với cùng kỳ; Bệnh Cúm A/H1N1: 134 trường hợp (cùng kỳ năm 2010 chỉ ghi nhận có 1 ca), trong đó có 06 ca tử vong; Cúm A/H5N1: không xảy ra trường hợp nào.

*** Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):**

Từ đầu năm đến nay toàn thành phố đã xảy ra 7 vụ ngộ độc tập thể, với 824 người mắc, giảm 6 vụ so với cùng kỳ năm 2010. Công tác công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho các bếp ăn tập thể trong khu công nghiệp, khu chế xuất và trong các trường học được thực hiện thường xuyên.

*** Công tác khám chữa bệnh và điều trị:**

Tổng số lượt khám và điều trị là 29.283 ngàn lượt, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 7,5% so với kế hoạch năm 2011. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú là 1.174 ngàn lượt, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 13,2% so với kế hoạch năm 2011.

Tổng số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú là 4.278 ngàn lượt, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 25% so với kế hoạch năm 2011. Số người đến khám và điều trị tăng nhanh do người bệnh từ các tỉnh thành lân cận chuyển về thành phố khám và chữa bệnh ngày càng tăng (đặc biệt là các trung tâm chuyên khoa) điều này đã tạo nên áp lực cho ngành y tế của thành phố trong việc nâng cao chất lượng điều trị và tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo sức khỏe của người dân.

5. Giáo dục

Tình hình giáo dục đầu năm học 2011-2012:

+ Mầm non: toàn thành phố có 744 trường mẫu giáo, mầm non tăng 6,9% (tăng 44 trường) so với năm học trước. Số phòng học 9.643 phòng, tăng 19,1%, (+1.543 phòng), trong đó số phòng học mới là 181 phòng. Số lớp học 9.659 lớp, tăng 18,4% (+1.503 lớp). Số giáo viên 18.389 người, tăng 32,3% (+4.494 người). Số trẻ em đi nhà trẻ, mẫu giáo 286.386 em tăng 12,9% (+32.608 em) so với năm học trước.

+ Phổ thông: toàn thành phố có 908 trường phổ thông, tăng 3,1% (tăng 27 trường) so với năm học trước. Số phòng học 28.437 phòng tăng 29,7% (+6.517 phòng), trong đó số phòng học mới xây và đưa vào hoạt động 956 phòng. Số lớp học là 25.987, tăng 3,8% (+945 lớp). Số giáo viên 43.871, tăng 6,7% (+2.750 giáo viên). Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên của thành phố đạt chuẩn giáo dục là trên

98%. Số học sinh đầu năm học 1.022. ngàn học sinh, tăng 3,1%; trong đó số học sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 104,7 ngàn.

+ Giáo dục thường xuyên : Số học viên các lớp xoá mù chữ là 1.619 người, giảm 31,1% so với cùng kỳ: trung học cơ sở là 5.394 người, giảm 5,7%; trung học phổ thông là 34.096 người, tăng 0,4%.

Tình hình tốt nghiệp năm học 2010 – 2011

Học sinh hoàn thành các cấp học: cấp tiểu học: 93.122 học sinh, tăng 13,2% so với năm học trước; cấp trung học cơ sở: 74.219 học sinh, giảm 2,5%; cấp trung học phổ thông 57.439 học sinh, tăng 9,6%.

Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông: toàn thành phố có 58.103 thí sinh dự thi tốt nghiệp, trong đó có 664 thí sinh tự do. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp là 96,2%, tăng 1,9 điểm phần trăm so với năm trước. Hệ bổ túc văn hóa có 10.286 học sinh dự thi, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 70,3%.

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội

*** Vi phạm kinh tế và môi trường**

Số vụ vi phạm kinh tế năm 2011 đã phát hiện và xử lý là 1.130 vụ, chủ yếu là kinh doanh hàng ngoại không có hóa đơn chứng từ, buôn bán hàng cấm, sản xuất hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp, kinh doanh trái phép trốn thuế, thu đổi ngoại hối trái phép; thiệt hại tài sản khoảng 750 tỷ đồng, thu nộp ngân sách nhà nước trên 22 tỷ đồng.

Trong năm 2011 đã phát hiện 304 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng 115 vụ so với cùng kỳ năm 2010. Đã xử lý hành chính 250 vụ, khởi tố 04 vụ với 5 bị can, nộp ngân sách nhà nước trên 14 tỷ đồng. Tuy nhiên công tác đấu tranh phòng ngừa còn nhiều vướng mắc, việc truy cứu trách nhiệm hình sự trên lĩnh vực này còn hạn chế do các quy định của pháp luật còn chưa phù hợp với thực tiễn.

* **Phạm pháp hình sự:** đã xảy ra 5.404 vụ phạm pháp hình sự, giảm 7,4% so với năm trước. Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 3.730 vụ bắt 4.878 tên.

*** Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm về ma túy trên địa bàn thành phố trong năm 2011 là 1.692 vụ, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2010, bắt giữ 3.154 người mua bán ma túy, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Khởi tố 1.250 vụ với 1.617 bị can, xử phạt hành chính 442 vụ với 1.537 đối tượng, lập hồ sơ chuyển giao cho trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường xã là 1.764 người.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 67 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, bắt giữ 394 người tổ chức môi giới và gái mại dâm.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 1.307 vụ tổ chức cờ bạc với 6.529 người tham gia.

* **Trật tự an toàn giao thông (từ tháng 12/2010 đến 30/11/2011)**

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 1.020 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 28 vụ so với cùng kỳ năm 2010; làm chết 868 người, tăng 04 người so với cùng kỳ; bị thương 496 người, tăng 13,2 % (tăng 58 người) so với cùng kỳ năm trước. Lập biên bản xử lý hành chính 1.765 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Phát hiện và giải tán 89 tổ tụ tập chuẩn bị đua xe, chạy thành đoàn, lưu thông lạng lách, đánh võng gây rối trật tự công cộng, lập biên bản 918 trường hợp vi phạm, tạm giữ xử lý 854 mô tô, xe máy.

+ **Tai nạn đường sắt, đường thủy:** tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 21 vụ, làm chết 07 người, bị thương 06 người và 5 vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra làm chết 05 người.

* **Về tình hình cháy, nổ:** đã xảy ra 123 vụ cháy, giảm 67 vụ so với cùng kỳ năm 2010; làm chết 04 người, giảm 1 người so với năm trước, bị thương 22 người, giảm 26 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 49 tỷ đồng (trong đó còn 10 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Quận/huyện có số vụ cháy nhiều nhất là Bình Tân và nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện, bất cẩn trong sinh hoạt,...

- Trong năm, đã xảy ra 06 vụ nổ, giảm 4 vụ so năm trước, làm chết 2 người, bị thương 14 người, thiệt hại về tài sản không đáng kể.

6. Công tác xóa đói giảm nghèo

Tính đến 30/11/2011, toàn thành phố còn 92,9 ngàn hộ nghèo (theo chuẩn thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm) với 424,2 ngàn nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 5,1% tổng số hộ dân. Ngành chức năng của thành phố đã tổ chức rà soát về số hộ nghèo và cận nghèo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015 còn 109 hộ, với 395 nhân khẩu, chiếm 0,006% tổng hộ dân thành phố; 16.437 hộ cận nghèo với 74,9 ngàn nhân khẩu, chiếm 0,9% tổng hộ dân thành phố.

Quỹ xóa đói giảm nghèo đến ngày 30/11/2011 có 242,1 tỷ đồng, tăng 9,7 tỷ đồng so với đầu năm 2011. Quỹ đang trợ vốn cho 36,6 ngàn hộ nghèo với số tiền 199,7 tỷ đồng; trong đó có 595 tổ giảm nghèo (9.274 hộ), 208 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhận 2.003 lao động nghèo.

7. Kết quả giải quyết việc làm:

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút lao động, giải quyết việc làm 292,1 ngàn lượt người, đạt 110,2% so kế hoạch năm 2011, tăng 0,2% so năm 2010. Với số người có việc làm ổn định là 215,8 ngàn người, chiếm tỉ lệ 73,9% so với số lao động được giải quyết việc làm.

Số chỗ làm việc mới được tạo ra trong năm là 128 ngàn, đạt 106,7% kế hoạch năm, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ số người thất nghiệp, trên cơ sở kết quả thu thập, ghi chép thông tin về tình trạng việc làm của người từ 15 tuổi trở lên của lao động thành phố là 4,73% (tỷ lệ thất nghiệp này sẽ được điều chỉnh sau khi ghi chép bổ sung 400 ngàn hộ trong năm 2011).

Trong năm 2011, trên địa bàn thành phố có 104,3 ngàn người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp; 87,5 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp với tổng số tiền là 395,7 tỷ đồng. 13,8 ngàn người được tư vấn giới thiệu việc làm; Số người chấm dứt bảo hiểm thất nghiệp là 61,9 ngàn người.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố năm 2011.



CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733